

Bản án số 22/2017/HNGĐ-ST

Ngày 14/9/2017

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y-TỈNH NINH BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Cương.
- Bà Phạm Thị Kim Thành.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Diện, Kiểm sát viên

Ngày 14/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 101/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/8/2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 23/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T sinh năm 1988; địa chỉ xóm C, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình; có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Lại Văn H sinh năm 1983; địa chỉ xóm 4, thôn 6, xã M, huyện Y tỉnh Ninh Bình; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 07/8/2017 được bổ sung tại bản tự khai ngày 10/8/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn là chị T trình bày: Chị T và anh H kết hôn với nhau vào ngày 20/5/2010, do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2010 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị T và anh H bất đồng về quan điểm sống, cho nên vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau; thực tế vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 12/2012 cho đến nay, vợ chồng không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ với nhau được nữa; nên chị T xin được ly hôn với anh H. Về con chung, vợ chồng có hai con chung là các cháu Lại Nguyễn Tú Q sinh ngày 21/9/2010 và cháu Lại Văn Thành Đ sinh ngày 19/11/2012, kể từ ngày vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay cả hai cháu đang do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng; nếu ly hôn chị T xin được nuôi dưỡng cả hai cháu cho đến khi các cháu trưởng thành và chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị T cam đoan sẽ bảo đảm đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và

học tập cho cả hai cháu. Về tài sản chung, vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Tại bản tự khai ngày 10/8/2017 cũng như tại phiên tòa bị đơn là anh H trình bày: Anh H kết hôn với chị T là do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M vào ngày 20/5/2010. Cuộc sống mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2012 liên quan đến việc làm ăn và từ gia đình, cũng từ năm 2012 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau, tình cảm vợ chồng hiện nay bình thường, nên anh H không đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung, vợ chồng có 02 con chung là các cháu Lại Nguyễn Tú Q sinh ngày 21/9/2010 và cháu Lại Văn Thành Đ sinh ngày 19/11/2012; nếu ly hôn anh H xin được nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đối với vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật; nguyên đơn và bị đơn trong vụ án đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Xử cho chị T và anh H ly hôn, giao cả hai cháu Q và cháu Đ cho chị T nuôi dưỡng anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T và buộc chị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn để sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

Chị T khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh H, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì việc khởi kiện của chị T là đúng. Theo bản sao sổ hộ khẩu gia đình và đơn đề nghị của chị T ngày 03/8/2017 có xác nhận của Trưởng xóm 4, xã M thể hiện anh H có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì việc Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về yêu cầu ly hôn:

Về quan hệ hôn nhân: Theo chị T và anh H đều khai vợ chồng kết hôn với nhau là do hai bên tự nguyện, tại giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân xã M thể hiện anh H và chị T đã đăng ký kết hôn ngày 20/5/2010, như vậy tại thời điểm kết hôn anh H đã 27 tuổi, còn chị T đã 22 tuổi, theo quy định tại các Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, thì hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Về lý do ly hôn: Theo chị T khai là từ tháng 10/2010 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T và anh H bất đồng về quan điểm sống, cho nên vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau; từ 12/2012 cho đến nay vợ chồng sống ly

thân nhau, vợ chồng không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Phía anh H cũng thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn và từ năm 2012 cho đến nay vợ chồng sống ly thân nhau, không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Xét thấy, vợ chồng chị T và anh H kết hôn với nhau từ tháng 5/2010 nhưng đến tháng 10/2010 đã phát sinh mâu thuẫn và từ năm 2012 cho đến nay vợ chồng sống ly thân nhau; điều này khẳng định cuộc sống vợ chồng của chị T và anh H hạnh phúc sau ngày cưới chỉ được một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân giữa chị T và anh H tính đến nay mới có 7 năm nhưng có tới 5 năm vợ chồng sống ly thân, điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T và anh H ly hôn.

Về tranh chấp nuôi con: Theo lời khai chị T và anh H, bản sao sổ hộ khẩu gia đình và bản sao giấy khai sinh, thì vợ chồng chị T và anh H có 02 con chung là các cháu Lại Nguyễn Tú Q sinh ngày 21/9/2010 và cháu Lại Văn Thành Đ sinh ngày 19/11/2012. Nguyên vọng của chị T là sau khi ly hôn, chị T được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con; anh H cũng đề nghị được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, kể từ khi vợ chồng chị T anh H sống ly thân nhau cho đến nay, cả hai cháu đều ở với chị T và do chị T nuôi dưỡng; việc tiếp tục giao cả hai cháu Q và cháu Đ cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với thực tế cuộc sống của hai cháu trong suốt 5 năm qua, việc giao này cũng không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của anh H đối với hai cháu; mặt khác tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 11/8/2017 đại diện cho Hội phụ nữ xã H cũng có ý kiến “giao cả hai cháu cho chị T nuôi dưỡng”. Do vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị T giao cả hai cháu Q và cháu Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành, do chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con và chị T cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống của các cháu, nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

Về tài sản chung: Cả chị T và anh H cùng trình bày vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1 Về yêu cầu ly hôn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, cho Chị Nguyễn Thị T và Anh Lại Văn H ly hôn; quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2 Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T, giao cả hai cháu Lại Nguyễn Tú Q sinh ngày 21/9/2010 và cháu Lại Văn Thành Đ sinh ngày 19/11/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu Q và cháu Đ trưởng thành; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

Anh H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của hai cháu Q và cháu Đ được sống chung với chị T và anh H có quyền được thăm nom, chăm sóc hai cháu Q và cháu Đ; chị T không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc hai cháu Q và cháu Đ.

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0001755 ngày 08/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y chí T đã nộp đủ án phí ly hôn.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Yên Khánh
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Bùi Văn Lực